

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DẦU TIẾNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 24-9-2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lệ Mỹ

2. Bà Dương Thị Thuật.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Khuyển – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Thìn - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 39/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 56/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Kim P, sinh năm 1975; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Anh D, sinh năm 1971; hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn xin ly hôn ngày 19/02/2020, quá trình làm việc và lời trình bày tranh tụng tại phiên tòa của nguyên đơn (bà Võ Thị Kim P) thể hiện:***

Bà P và ông D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 13/02/1998. Quá trình chung sống, hai vợ chồng

thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Bà P đã ly thân với ông D từ đầu năm 2019 cho đến nay và thấy rằng mục đích hôn nhân không đạt được, hạnh phúc và tình nghĩa vợ chồng không còn nên bà P làm đơn xin ly hôn với ông D.

Quá trình chung sống hai vợ chồng có 03 người con chung tên Nguyễn Khánh A, sinh ngày 14/5/2005, Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày 19/01/1999 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 19/7/2000. Tại phiên tòa, bà P yêu cầu ông D chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Khánh A, sinh ngày 14/5/2005 và bà P không cấp dưỡng nuôi con. Con chung tên Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày 19/01/1999 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 19/7/2000 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung, nợ chung không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu, tranh chấp gì khác.

**** Bị đơn ông Nguyễn Anh D:***

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng đã tiến hành niêm yết, tổng đạt đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự để bị đơn ông D tham gia giải quyết vụ án nhưng bị đơn cố tình vắng mặt không có lý do. Quá trình xác minh, bị đơn có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương và vẫn đang sinh sống tại địa phương.

**** Theo bản tự khai ngày 10/4/2020, ý kiến của con chung tên Nguyễn Khánh A thể hiện:*** Bà Võ Thị Kim P và ông Nguyễn Anh D ly hôn thì cháu A có nguyện vọng được chung sống với ba là Nguyễn Anh D.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng phát biểu tại phiên tòa:*** Quan hệ pháp luật của vụ án là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng đầy đủ, đúng trình tự thủ tục, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Tại phiên tòa, phía bị đơn ông D vắng mặt không lý do. Tuy nhiên, trong quá trình tố tụng, Tòa án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng để bị đơn thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình khi tham gia giải quyết vụ án nên đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Võ Thị Kim P đối với ông Nguyễn Anh D; giao con chung tên Nguyễn Khánh A, sinh ngày 14/5/2005 cho ông D nuôi dưỡng; bà P không cấp dưỡng nuôi con do ông D không yêu cầu; con chung tên Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày 19/01/1999 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 19/7/2000 đã trưởng thành nên không xem xét; tài sản chung, nợ chung không tranh chấp nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Quan hệ pháp luật là “ly hôn, tranh chấp về nuôi con” quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đang cư trú tại ấp B, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn bà P và bị đơn ông D tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1996, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương ngày 13/02/1998. Hôn nhân giữa bà P với ông D là hợp pháp và được pháp luật thừa nhận.

[2.1] Nguyên đơn cho rằng trong quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Điều này đã làm ảnh hưởng đến cuộc sống và tinh thần của hai bên, nguyên đơn đã ly thân với bị đơn từ đầu năm 2019 cho đến nay. Vì vậy, nguyên đơn làm đơn xin ly hôn với bị đơn. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết, tổng đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục luật định nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án không thu thập được ý kiến của bị đơn ông D. Tuy nhiên, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng mâu thuẫn gia đình của nguyên đơn và bị đơn tại địa phương thể hiện, trong quá trình sống chung sống với nhau hai bên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên đơn bà P đã bỏ về nhà mẹ ruột là bà Phạm Thị N, sinh năm 1940; ngụ tại ấp S, xã T, huyện D sinh sống từ đầu năm 2019 cho đến nay. Như vậy, có cơ sở xác định bị đơn không quan tâm đến hạnh phúc gia đình, thời gian từ đầu năm 2019 đến nay, hai bên đã không còn sống chung, không còn mối quan hệ tình cảm gia đình dẫn đến mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà P là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống có 03 người con chung tên Nguyễn Khánh A, sinh ngày 14/5/2005, Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày 19/01/1999 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 19/7/2000. Nguyên đơn yêu cầu bị đơn chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Khánh A và nguyên đơn không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Quế A và Nguyễn Bảo A đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Khánh A đang sống cùng bị đơn ông D và được ông D cho ăn học đầy đủ. Vì vậy, để đảm bảo sự phát triển tâm sinh lý ở trẻ vị thành niên và phù hợp với nguyện vọng của con chung tại bản tự khai ngày 10/4/2020 nên việc giao con chung cho ông D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với con chung tên Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày 19/01/1999 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 19/7/2000 đã trưởng thành nên không xem xét.

[2.3] Về mức cấp dưỡng nuôi con: Bị đơn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Tài sản chung, nợ chung: Đương sự không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Quan điểm về nội dung giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tại phiên tòa là có căn cứ.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 235, 266, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Võ Thị Kim P đối với ông Nguyễn Anh D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Kim P được ly hôn với ông Nguyễn Anh D.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Khánh A, sinh ngày 14/5/2005 cho ông Nguyễn Anh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Võ Thị Kim P không cấp dưỡng nuôi con do ông Nguyễn Anh D không yêu cầu. Con chung tên Nguyễn Thị Quế A, sinh ngày 19/01/1999 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 19/7/2000 đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không tranh chấp nên không xem xét.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Võ Thị Kim P nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0032515 ngày 05 tháng 3 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 24/9/2020).

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Xuân Nam